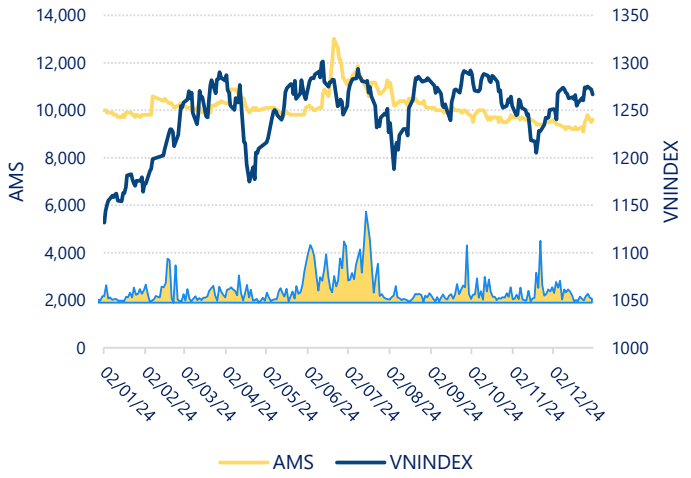
KẾT QUẢ KINH DOANH

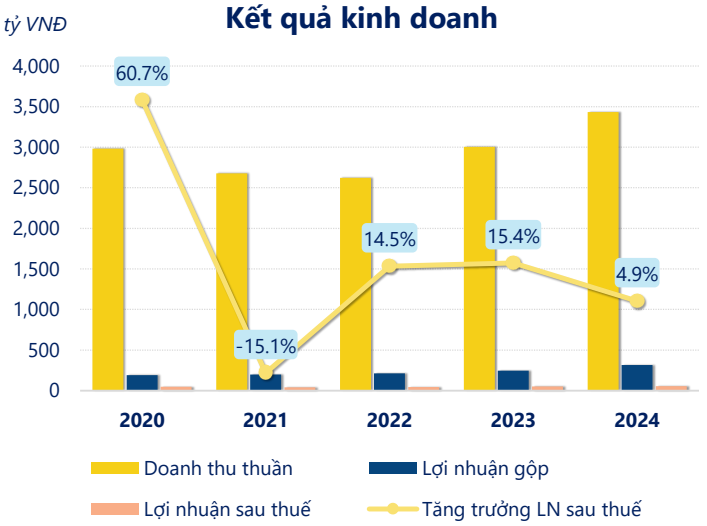
Ngày 31/12/2024	9,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.1%	-4.0%	-

Lịch sử giá



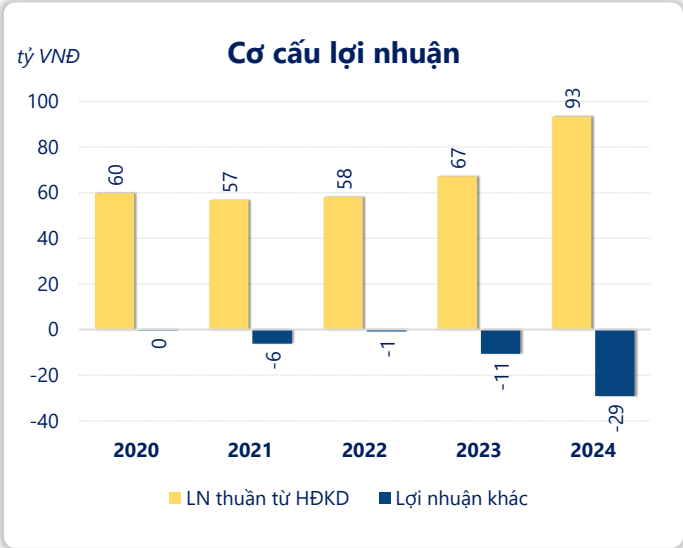
	2024	YoY
DT thuần	3,432 tỷ VNĐ	▲ 428 ▲ 14.3%
LN gộp	317 tỷ VNĐ	▲ 70.0 ▲ 28.4%
LN thuần	93.3 tỷ VNĐ	▲ 26.2 ▲ 39.2%
LN sau thuế	55.0 tỷ VNĐ	▲ 2.50 ▲ 4.9%
ROE	6.9%	+/- YoY ▼ 1.2%
ROA	1.7%	

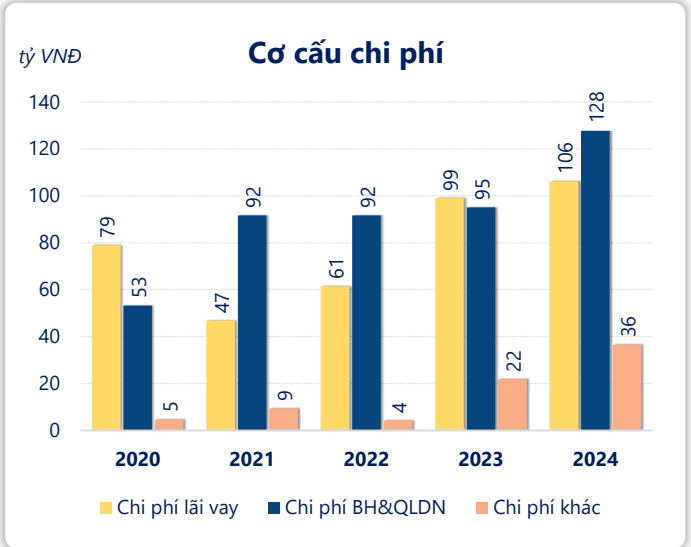
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **AMS** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 14.3%** đạt **3,432** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 55.04 tỷ đồng **tăng 4.85%**.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **6.90%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

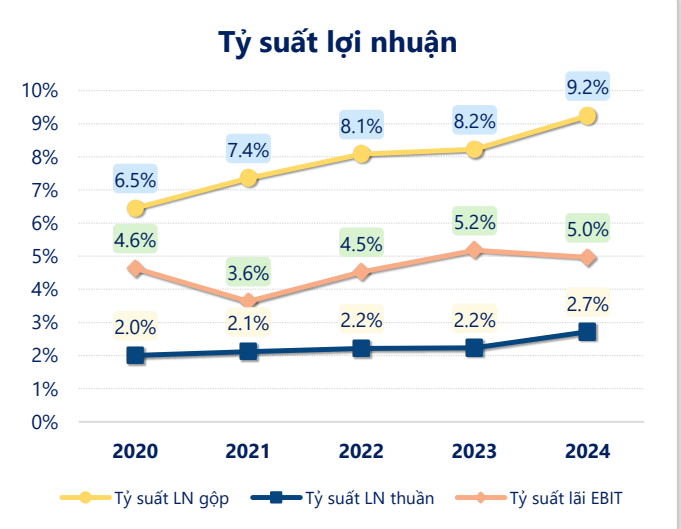


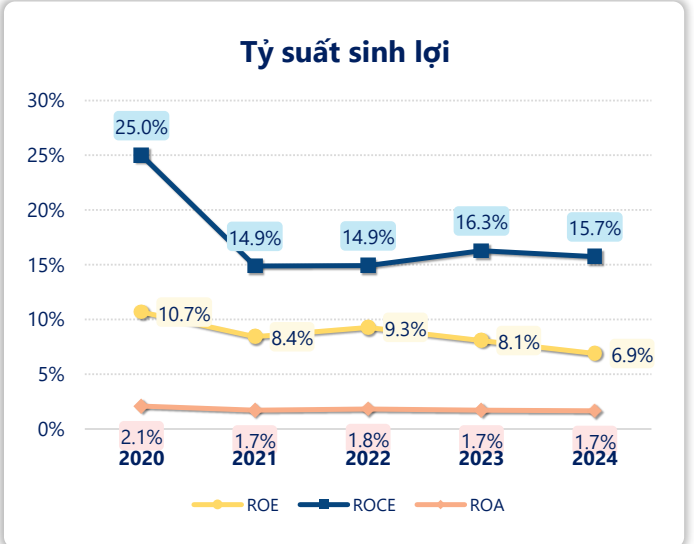


Năm **2024**, **AMS** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **93.35** tỷ đồng, **tăng lên 26.28** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (67.02 tỷ đồng) là 26.33 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

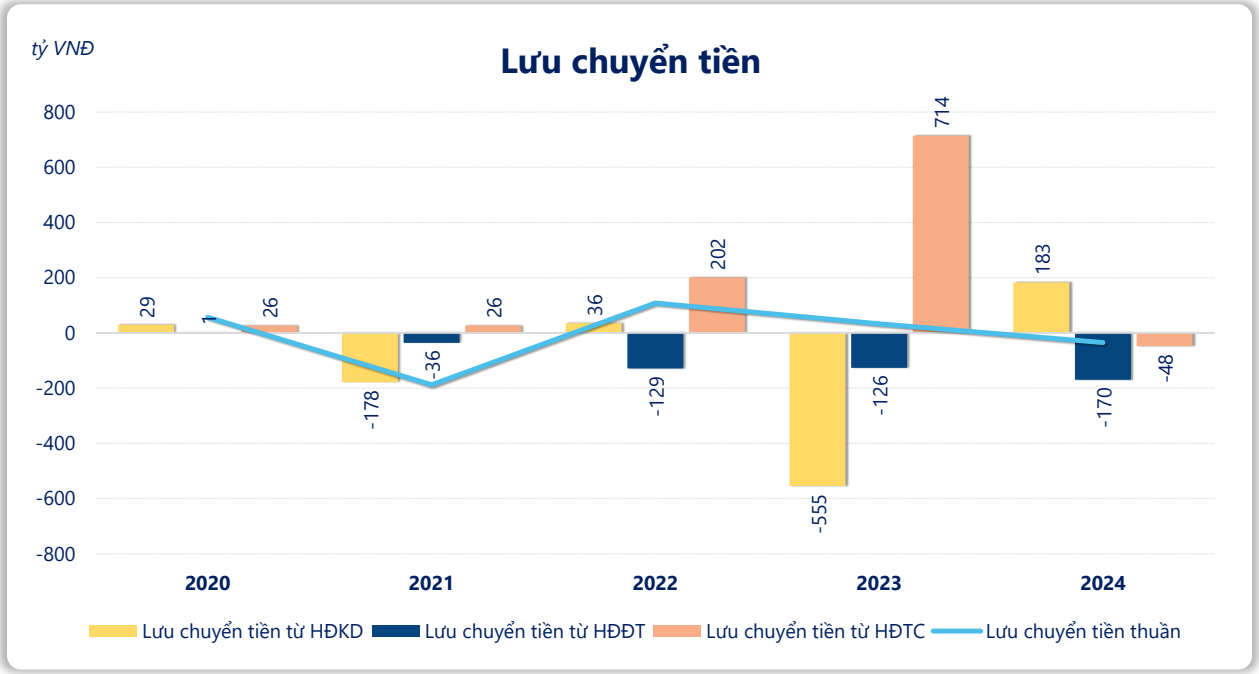
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **106.1** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **127.7** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **36.49** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của AMS năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **6.90%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**2,983**	**2,678**	**2,621**	**3,004**	**3,432**
Giá vốn hàng bán	2,790	2,481	2,410	2,757	3,115
Lợi nhuận gộp	**192**	**197**	**212**	**247**	**317**
Doanh thu HĐTC	9.73	10.2	11.8	20.7	22.6
Chi phí TC	89.0	58.9	74.1	106	119
Chi phí lãi vay	**78.8**	**46.8**	**61.4**	**99.0**	**106**
LN trong công ty LKLD	-0.04	0.07	0.23	0.06	-0.19
Chi phí bán hàng	0	15.0	25.0	3.38	43.6
Chi phí QLDN	53.3	76.6	66.6	91.6	84.1
LN thuần từ HĐKD	**59.8**	**56.8**	**58.1**	**67.1**	**93.3**
Lợi nhuận khác	-0.39	-6.16	-0.81	-10.6	-29.2
LN trước thuế	**59.4**	**50.6**	**57.3**	**56.4**	**64.2**
Lợi nhuận sau thuế	**46.8**	**39.7**	**45.5**	**52.5**	**55.0**
LNST của CĐ cty mẹ	**46.0**	**38.8**	**45.5**	**52.5**	**55.0**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của AMS bằng **-34.72** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (33.45 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **182.8** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-169.8** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-47.70** tỷ đồng.